

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 33/2023/DS-ST

Ngày: 25-4-2023

“V/v tranh chấp về dân sự -
Hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ong Thị Ngọc Tâm

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Bùi Văn Dũng
- Ông Nguyễn Phú Hữu

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Lệ Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Lãnh tham gia phiên tòa:
Bà Phạm Thị Mỹ Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 31/2023/TLST-DS ngày 22 tháng 02 năm 2023, về việc “*Tranh chấp về dân sự - Hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 103/2023/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Trần Thị Thùy D, sinh năm 1986;

Địa chỉ: Số B, tổ M, ấp H, xã M, thành phố C, tỉnh Đ.

Người đại diện ủy quyền của nguyên đơn: Nguyễn Thị Tuyết M, sinh năm 1985;

Địa chỉ: Số M, đường L, tổ B, khóm B, Phường M, thành phố C, tỉnh Đ.
(Hợp đồng ủy quyền ngày 07/11/2022)

- *Bị đơn:* 1. Nguyễn Thị T, sinh năm 1971;

2. Nguyễn Thúy K, sinh năm 1991;

Cùng địa chỉ: Tổ M, ấp H, xã M, thành phố C, tỉnh Đ.

(Chị M, bà T và chị K có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trần Thị Thùy D trình bày:

Chị Trần Thị Thùy D và bà Nguyễn Thị T, chị Nguyễn Thúy K có mối quan hệ họ hàng nên vào ngày 10/6/2022 hai mẹ con bà T và chị K có đến gặp chị D để hỏi vay số tiền 280.000.000 đồng (hai trăm tám mươi triệu đồng) và 05 chỉ vàng 24Kara loại vàng thị trường 98 để xây nhà ở. Bà T và chị K xin vay trong vòng 02 tháng sẽ trả cho chị D do họ hàng ruột thịt với nhau nên chị D đồng ý cho bà T và chị K vay, lãi suất các bên tự thỏa thuận theo quy định pháp luật, bà T và chị K có làm biên nhận nợ cho chị D. Nhưng đến nay quá hạn nợ vay mà bà T và chị K không chịu trả tiền cho chị D, chị D nhiều lần đến nhà nhắc nhở yêu cầu trả nợ thì bà T và chị K cứ xin hẹn hết lần này đến lần khác mà không chịu trả nợ và cũng không đóng lãi cho chị D.

Tổng số tiền vốn và lãi bà T và chị K có nghĩa vụ trả cho chị D là 280.000.000 đồng (hai trăm tám mươi triệu đồng) và 05 chỉ vàng 24Kara loại vàng thị trường 98 có giá 5.350.000đồng/chỉ x 05 chỉ = 26.750.000 đồng. Như vậy, tổng số vốn mà bà T và chị K vay của chị D là 306.750.000 đồng (ba trăm lẻ sáu triệu, bảy trăm năm mươi nghìn đồng) và yêu cầu tính lãi 1,66%/tháng. Thời gian tính lãi từ ngày 10/6/2022 đến ngày 10/11/2022 là 05 tháng, cụ thể tiền lãi: $306.750.000\text{đồng} \times 1,66\% \times 05 = 25.460.250$ đồng. Tổng cộng vốn và lãi: $306.750.000\text{đồng} + 25.460.250\text{đồng} = 332.210.250$ đồng (ba trăm ba mươi hai triệu, hai trăm mười nghìn, hai trăm năm mươi đồng).

Nay chị D yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà T và chị K có nghĩa vụ liên đới trả cho chị D số tiền vốn và lãi là 332.210.250 đồng (ba trăm ba mươi hai triệu, hai trăm mười nghìn, hai trăm năm mươi đồng) và yêu cầu tiếp tục tính lãi đến khi kết thúc vụ kiện.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị T trình bày: Bà T thừa nhận có vay tiền và ký tên vào biên nhận vay tiền ngày 10/6/2022, tuy nhiên số tiền 280.000.000 đồng là tổng hợp của nhiều lần vay lần cuối cùng là ngày 10/8/2022 (không phải là 10/6/2022), còn đối với số vàng 5 chỉ bà T có mượn của bà D để đi cầm tiệm vàng P (M) cầm số tiền 20.000.000 đồng, sau đó bà T có đóng lãi cho tiệm vàng nhiều tháng. Đến ngày 20/12/2022 bà T có đến chuộc 10.000.000 đồng, còn biên nhận cầm vàng số tiền 10.000.000 đồng bà T có đưa lại cho bà D trong ngày 20/12/2022, sau đó bà T có đến tiệm vàng hỏi thì biết là chồng của D là ông H

(không biết rõ họ tên) đã đến chuộc vàng xong, do đó bà T chỉ nhận có 10.000.000 đồng từ số tiền cầm vàng 05 chỉ của chị D. Tổng cộng bà T chỉ thiếu chị D số tiền vay là 280.000.000 đồng và 10.000.000 đồng (cầm 05 chỉ vàng) nên bà T chỉ đồng ý trả cho chị D số tiền 290.000.000 đồng và không đồng ý trả lãi vì theo thỏa thuận là chị D không tính lãi. Tất cả số tiền vay đều do bà T tự vay cá nhân mục đích để sửa nhà không liên quan gì đến con gái Nguyễn Thúy K, trong các biên nhận vay trước đó từ ngày 10/4/2022, 05/5/2022 và ngày 10/8/2022 đều do bà T ký tên vay cá nhân. Sau đó chị D mới làm biên nhận vào ngày 10/6/2022 (nhưng thực tế là ngày 06/10/2022) bà T có vay 280.000.000 đồng và 05 chỉ vàng bà T mới ký tên và lấn tay vào biên nhận. Chị D nói có ghi tên con gái vô để làm chứng rồi sẽ bớt lãi cho nên bà T mới kêu Nguyễn Thúy K ký tên và lấn tay vô, thực tế K không có vay mượn vì của chị D.

Tại phiên hòa giải, bà T đồng ý trả cho chị D số tiền vay 280.000.000 đồng (hai trăm tám mươi triệu đồng) theo biên nhận ngày 10/6/2022 và 05 chỉ vàng 24Kara loại vàng thị trường 98 có giá 5.350.000 đồng/chỉ x 05 chỉ = 26.750.000 đồng. Tổng cộng bà T đồng ý trả cho chị D là 306.750.000 đồng, không đồng ý trả lãi vì thỏa thuận không tính lãi. Đây là tiền vay cá nhân của bà T có các biên nhận bản chính do chị D ghi cho bà T qua các lần vay, bà T đã gửi cho Tòa án. Mục đích vay tiền là để xây dựng nhà của bà T, không liên quan đến K.

- *Bị đơn chị Nguyễn Thúy K trình bày:* Sự việc giống như bà T trình bày, do tin tưởng chị D nên chị K có đồng ý ký tên và lấn tay vào biên nhận ghi ngày 10/6/2022 (thực tế là 06/10/2022) theo yêu cầu của chị D vì chị D là cháu ruột của bà T và là chị em bạn dì của chị K, bà D là con của Dì 7, còn bà T là thứ 10 nên trong biên nhận chị D hay ghi là Dì 10 (tức là bà T). Chị K không đồng ý yêu cầu liên đới trả tiền vay cho chị D vì chị K không có vay tiền gì của chị D mà chỉ ký tên làm chứng theo đề nghị của chị D. Chị K thống nhất giá trị 05 chỉ vàng là 5.350.000 đồng/chỉ x 05 chỉ = 26.750.000 đồng.

Tại phiên tòa,

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Tuyết Mai trình bày: Chị D thống nhất quy đổi 05 chỉ vàng 24 Kara thành số tiền 26.750.000 đồng, chị D yêu cầu bà T và chị K trả tiền không yêu cầu trả vàng. Tổng cộng số tiền chị D yêu cầu bà T và chị K trả cho chị D là 306.750.000

đồng. Chị D rút yêu cầu tính lãi, không yêu cầu bà T và chị K trả số tiền lãi 25.460.250 đồng.

- *Bà T trình bày:* Bà T đồng ý trả cho chị D số tiền 306.750.000 đồng, bà T không đồng ý việc chị D yêu cầu chị K liên đới trả số tiền vay vì số tiền trên bà T vay cá nhân, không liên quan đến K và bà T sẽ tự chịu trách nhiệm trả cho chị D.

- *Chị K trình bày:* Khi chị D đưa biên nhận nợ ngày 10/6/2022 chị K có đọc, có hiểu rõ nội dung trong biên nhận nhưng vì chị D nói với chị K là việc ký tên vào biên nhận chỉ để làm chứng và sẽ không tính lãi cho bà T nên chị K tin tưởng ký tên, lẫn tay vào biên nhận. Trước đây, chị K đã nhiều lần cho tiền bà T nên chị K không đồng ý liên đới trả nợ cho bà T. Chị K thống nhất 05 chỉ vàng 24 kara quy đổi thành tiền là 26.750.000 đồng.

** Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng pháp luật tố tụng; người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà T và chị K liên đới trả cho chị D số tiền 306.750.000 đồng. Đình chỉ đối với yêu cầu tiền lãi của nguyên đơn.

Về án phí, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ theo đơn khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về dân sự hợp đồng vay tài sản. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại xã Mỹ Tân, thành phố Cao Lãnh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Chị D khởi kiện yêu cầu bà T và chị K liên đới trả số tiền vay 306.750.000 đồng. Chị D rút yêu cầu đối với số tiền lãi 25.460.250 đồng, không yêu cầu bà T và chị K trả tiền lãi.

Nguyên đơn căn cứ vào Biên nhận tiền ngày 10/6/2022 thể hiện nội dung bà T và chị K có mượn của chị D số tiền 280.000.000 đồng và 05 chỉ vàng 24K (theo giá thị trường). Lãi suất được tính theo pháp luật Việt Nam quy định, thể hiện người nhận tiền bà T và chị K ký tên, ghi họ tên và lăn tay vào biên nhận, phía dưới có dòng chữ “chị D không tính lãi”. Biên nhận được lập 02 bản chị D giữ 01 bản, bà T và chị K giữ 01 bản.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn, bà T và chị K đều thống nhất quy đổi 05 chỉ vàng 24kara thành số tiền 26.750.000 đồng nên có căn cứ xác định tổng số tiền chị D yêu cầu bà T và chị K liên đới trả cho chị D theo biên nhận ngày 10/6/2022 là 306.750.000 đồng.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của chị D, Hội đồng xét xử xét thấy Biên nhận tiền ngày 10/6/2022 bà T và chị K đều thừa nhận có lăn tay, ký tên và ghi họ tên trong biên nhận. Bà T đồng ý trả số tiền vay 306.750.000 đồng theo yêu cầu của chị D đây là tình tiết không phải chứng minh, do đó yêu cầu khởi kiện của chị D là có căn cứ chấp nhận.

Đối với ý kiến của chị K về việc chị K không đồng ý trả tiền vay cho chị D với lý do chị K chỉ ký tên, lăn tay vào biên nhận với tư cách là làm chứng và để chị D không tính lãi cho bà T. Hội đồng xét xử xét thấy, ngoài lời trình bày ra chị K không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào khác để chứng minh chị K ký tên với tư cách là người làm chứng hoặc trong biên nhận có thể hiện nội dung chị K là người làm chứng nên lời trình bày của chị K không đủ cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

Từ những phân tích nêu trên, căn cứ vào quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự buộc bà T và chị K phải có nghĩa vụ trả cho chị D số tiền vay 306.750.000 đồng.

[4] Về lãi suất: Nguyên đơn đã rút yêu cầu đối với số tiền lãi 25.460.250 đồng, không yêu cầu bà T và chị K trả tiền lãi. Căn cứ vào khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử đình chỉ đối với yêu cầu tiền lãi của nguyên đơn.

[5] Về quan điểm phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cao Lãnh là có căn cứ và phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên các bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị Thùy D.

Buộc bà Nguyễn Thị T và chị Nguyễn Thúy K liên đới trả cho chị Trần Thị Thùy D số tiền vay 306.750.000 đồng.

2. Đình chỉ yêu cầu của chị Trần Thị Thùy D đối với yêu cầu bà Nguyễn Thị T và chị Nguyễn Thúy K trả số tiền lãi 25.460.250 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị T và chị Nguyễn Thúy K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 15.337.500 đồng (mười lăm triệu, ba trăm ba mươi bảy nghìn, năm trăm đồng).

Chị Trần Thị Thùy D được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 8.305.000 đồng (tám triệu, ba trăm lẻ năm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011963 ngày 16/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh;
- Đường sự;
- VKSND TPCL;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Ong Thị Ngọc Tâm